

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST

Ngày: 11/6/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Thị Tám

Ông Lương Minh Suốt

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài– Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-DS, ngày 03/05/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 341 ấp Hòa Đ, xã Ngọc Đ, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- Bị đơn: Ông Triệu Văn L, sinh năm 1978 và bà Trần Thị L, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Sông C, xã Tham Đ, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Nguyên vào ngày 09/09/2016 ông Nguyễn Văn B có bán cho ông Triệu Văn L và bà Trần Thị L các loại thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm và ông L, bà L còn nợ ông số tiền 18.142.000đ sau đó ông L có trả được số tiền 11.000.000đ. Hiện nay ông L và L còn nợ ông B số tiền là 7.142.000đ. Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông L và bà L phải hoàn trả cho ông B số tiền còn nợ là 7.142.000đ không tính lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 4/5/2019 bị đơn ông L và bà L đều trình bày:

Ông L và bà L thừa nhận có hợp đồng mua thức ăn nuôi tôm của ông B và hiện nay còn nợ ông B số tiền là 7.142.000đ chưa thanh toán. Nay ông L và bà L cũng thông nhất hoàn trả cho ông B số nợ trên nhưng do nuôi tôm lỗ nên không có khả năng thanh toán cho ông B.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX buộc các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 7.142.000đ. Đối với ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - **Về thủ tục tố tụng:** Đối với bị đơn ông Triệu Văn L và bà Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông L và bà L.

[2] **Về nội dung:** Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ thức ăn nuôi tôm là 7.142.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số nợ là 7.142.000đ và có cung cấp sổ sách ghi chép lại đầy đủ của các số tiền trong quá trình mua bán giữa các bên, phía bị đơn cũng đã thừa nhận số nợ trên. Xét thấy bị đơn đã mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản của nguyên đơn nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, như đã phân tích ở trên bị đơn đã vi phạm hợp đồng mua bán tài sản đối với nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là có căn cứ để chấp nhận, cần xử buộc ông Triệu Văn L và bà Trần Thị L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền còn nợ là 7.142.000đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX buộc các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 7.142.000đ. Như đã phân tích ở trên xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4] **Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó các bị đơn phải liên đới chịu toàn bộ án phí là 357.100đ, nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH;

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 280, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

1/ Buộc bị đơn ông Triệu Văn L và bà Trần Thị L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn B số tiền là 7.142.000đ (*Bảy triệu một trăm bốn mươi hai ngàn đồng*).

- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông B có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Triệu Văn L và bà Trần Thị L còn phải trả lãi cho ông B theo mức lãi suất 10% năm đối với số tiền chậm thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông B không phải chịu án phí và được hoàn trả lại các số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 185.000đ (*Một trăm tám mươi lăm ngàn đồng*), theo biên lai thu số 0005357, ngày 27/12/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Triệu Văn L và bà Trần Thị L phải liên đới chịu án phí là 357.100đ (*Ba trăm năm mươi bảy ngàn một trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày: 11/6/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Thị Tám

Ông Lương Minh Suốt

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-DS, ngày 03/05/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 341 ấp Hòa Đ, xã Ngọc Đ, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- Bị đơn: Ông Dương Văn N, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Khu, xã Thạnh P, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Nguyên vào ngày 10/01/2016 ông Nguyễn Văn B có bán cho ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị T các loại thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm và ông N, bà T còn nợ ông số tiền 71.428.000đ sau đó ông N có trả được số tiền 56.428.000đ. Hiện nay ông N và bà T còn nợ ông B số tiền là 15.000.000đ. Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông N và bà T phải hoàn trả cho ông B số tiền còn nợ là 15.000.000đ không tính lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 4/5/2019 bị đơn ông N và bà T đều trình bày:

Ông N và bà T thừa nhận có hợp đồng mua thức ăn nuôi tôm của ông B và hiện nay còn nợ ông B số tiền là 15.000.000đ chưa thanh toán. Nay ông N và bà T cũng

thống nhất hoàn trả cho ông B số nợ trên nhưng do nuôi tôm lỗ nên không có khả năng thanh toán cho ông B.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX buộc các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 15.000.000đ. Đối với ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - **Về thủ tục tố tụng:** Đối với bị đơn ông Dương Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, riêng bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông N và bà T.

[2] **Về nội dung:** Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ thức ăn nuôi tôm là 15.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số nợ là 15.000.000đ và có cung cấp sổ sách ghi chép lại đầy đủ của các số tiền trong quá trình mua bán giữa các bên, phía bị đơn cũng đã thừa nhận số nợ trên. Xét thấy bị đơn đã mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản của nguyên đơn nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như vậy bị đơn đã vi phạm hợp đồng mua bán tài sản đối với nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là có căn cứ để chấp nhận, HĐXX cần xử buộc ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền còn nợ là 15.000.000đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX buộc các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 15.000.000đ. Như đã phân tích ở trên xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4] **Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó các bị đơn phải liên đới chịu toàn bộ án phí là 750.000đ, nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 280, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

1/ Buộc bị đơn ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn B số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông B có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị T còn phải trả lãi cho ông B theo mức lãi suất 10% năm đối với số tiền chậm thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông B không phải chịu án phí và được hoàn trả lại các số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*), theo biên lai thu số 0005395, ngày 17/01/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu án phí là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- TAND tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

